|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  ------------------  Số: /2022/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  --------------------------------------------------------------------------------------------------------------------  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

----------------------------

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về**chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là Nghị quyết số 43/2022/QH15).*

**Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng**

1. Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%) kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, hóa chất và sản phẩm hoá chất.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

d) Chi tiết hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng.

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “mức thuế suất theo quy định 8%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh sản xuất kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm… (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ để tính thuế giá trị gia tăngtheo Nghị quyết số 43/2022/QH15”.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thì cơ quan thuế thực hiện xác định mức thuế giá trị gia tăng đảm bảo nguyên tắc giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 khi lập Bộ thuế khoán.

Trường hợp tổ chức khai thay, nộp thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì tổ chức khai thay, nộp thay thực hiện xác định mức thuế giá trị gia tăng trên tờ khai thuế đảm bảo nguyên tắc giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời lập Bảng xác định số thuế giá trị gia tăng được giảm theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này để nộp kèm theo hồ sơ khai thuế.

4. Trường hợp cơ sở kinh doanh kinh doanh nhiều hàng hóa, dịch vụ thì khi lập hóa đơn, cơ sở kinh doanh lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

5. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót và giao hóa đơn điều chỉnh cho người mua. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

6. Trường hợp cơ sở kinh doanh kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng đã phát hành hóa đơn đặt in dưới hình thức vé có in sẵn mệnh giá chưa sử dụng hết và có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì cơ sở kinh doanh thực hiện đóng dấu theo giá đã giảm 2% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng hoặc giá đã giảm 20% mức tỷ lệ % bên cạnh tiêu thức giá in sẵn để tiếp tục sử dụng.

7. Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều này thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm mức thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

**Điều 2. Thực hiện chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam**

1. Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận.

3. Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn, giải quyết.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **KT. THỦ TƯỚNG**  **PHÓ THỦ TƯỚNG**  **Lê Minh Khái** |

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15**

*(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế ……)*

[01] Tên người nộp thuế:..............................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [02] Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

[03] Tên đại lý thuế (nếu có): ….....................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [04] Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế | Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định | Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm | Thuế GTGT được giảm |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(4)x80% | (6)=(3)x[(4)-(5)] |
| 1. |  |  |  |  |  |
|  | **…** |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  *Họ và tên: ......*  Chứng chỉ hành nghề số:...... | *Ngày....tháng....năm.....*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký*, *ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN ỦNG HỘ, TÀI TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19**

Chúng tôi gồm có:

Tên doanh nghiệp (bên đơn vị ủng hộ, tài trợ):

Địa chỉ: Số điện thoại:

Mã số thuế:

Tên đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ:

Địa chỉ: Số điện thoại:

Mã số thuế (nếu có):

Cùng xác nhận [tên doanh nghiệp] đã ủng hộ, tài trợ cho [tên đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ]:

- Tài trợ bằng hiện vật ❑

- Tài trợ bằng tiền ❑

Với tổng giá trị của khoản ủng hộ, tài trợ là ..........

Bằng tiền:..............

Hiện vật:................quy ra trị giá VND:.......................

Giấy tờ có giá ..................quy ra trị giá VND.....................

(kèm theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật).

[Tên đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ] cam kết sử dụng đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích, đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản này được lập vào hồi ... tại .............ngày ... tháng... năm .... và được lập thành.....bản như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ** |  | **Đơn vị ủng hộ, tài trợ** |
| **(ký tên, đóng dấu)** |  | **(ký tên, đóng dấu)** |